

Số: 02/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 27 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã giao năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp; số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; số 283/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh Lai Châu năm 2026;

Xét Tờ trình số 915/TTr-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã giao năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tại

Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 84/BC-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã giao năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu như sau:

1. Số lượng người làm việc

a) Điều chỉnh giảm 861 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên của Sở Y tế.

b) Điều chỉnh tăng 864 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị, trong đó:

- 03 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên cho Sở Y tế;

- 861 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên đối với Ủy ban nhân dân cấp xã để giao cho Trạm Y tế.

2. Hợp đồng lao động

Điều chỉnh tăng 38 hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho Ủy ban nhân dân cấp xã (mỗi xã, phường 01 hợp đồng lao động).

(Có biểu Phụ lục chi tiết kèm theo)

3. Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước chưa sử dụng sau điều chỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo quy định là 95 người.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

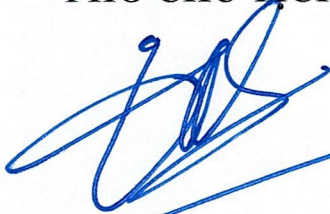
Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ ba mươi sáu thông qua ngày 27 tháng 02 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tần Thị Quế

PHỤ LỤC I
ĐIỀU CHỈNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐÃ GIAO NĂM 2026 CỦA MỘT SỐ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc đã giao tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh			Số lượng người điều chỉnh						Tổng số lượng người làm việc điều chỉnh giảm, tăng	
		Tổng số	Hưởng lương từ NSNN		Tổng số	Hưởng lương từ NSNN				Tổng số	Đơn vị SNCL do NSNN nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	
			Đơn vị SNCL do NSNN nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị SNCL tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên		Đơn vị SNCL do NSNN nhà nước bảo đảm chi thường xuyên		Đơn vị SNCL tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên				
						Giảm	Tăng	Giảm	Tăng			
I	CẤP TỈNH	2.505	66	2.439	861	3	0	0	861	3	1.647	66
1	Sở Y tế	2505	66	2439	861	3			861	3	1647	66
II	CẤP XÃ	10337	10337			861		861			11198	11198
1	UBND phường Đoàn Kết	519	519			38		38			557	557
2	UBND phường Tân Phong	608	608			40		40			648	648
3	UBND xã Than Uyên	469	469			28		28			497	497
4	UBND xã Mường Than	264	264			19		19			283	283
5	UBND xã Mường Kim	427	427			35		35			462	462
6	UBND xã Khoen On	239	239			21		21			260	260
7	UBND xã Tân Uyên	549	549			31		31			580	580

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc đã giao tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh			Số lượng người điều chỉnh						Tổng số lượng người làm việc sau điều chỉnh giảm, tăng			Ghi chú	
		Tổng số	Hưởng lương từ NSNN		Tổng số	Hưởng lương từ NSNN				Tổng số	Hưởng lương từ NSNN				
			Đơn vị SNCL do NSNN nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị SNCL tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên		Đơn vị SNCL do NSNN nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị SNCL tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên	Giảm	Tăng		Giảm	Tăng	Giảm		Tăng
8	UBND xã Mường Khoa	243	243			23		23			266	266			
9	UBND xã Pắc Ta	212	212			23		23			235	235			
10	UBND xã Nậm Sỏ	196	196			23		23			219	219			
11	UBND xã Bình Lư	340	340			24		24			364	364			
12	UBND xã Tả Lèng	276	276			25		25			301	301			
13	UBND xã Bản Bo	188	188			18		18			206	206			
14	UBND xã Khun Há	213	213			18		18			231	231			
15	UBND xã Phong Thổ	423	423			29		29			452	452			
16	UBND xã Khổng Lào	316	316			23		23			339	339			
17	UBND xã Sin Suối Hồ	343	343			23		23			366	366			
18	UBND xã Đào San	299	299			29		29			328	328			
19	UBND xã Sì Lở Lầu	284	284			29		29			313	313			
20	UBND xã Nậm Hàng	282	282			21		21			303	303			

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc đã giao tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh			Số lượng người điều chỉnh						Tổng số lượng người làm việc sau điều chỉnh giảm, tăng			Ghi chú	
		Tổng số	Hưởng lương từ NSNN		Tổng số	Hưởng lương từ NSNN				Tổng số	Hưởng lương từ NSNN				
			Đơn vị SNCL do NSNN nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị SNCL tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên		Đơn vị SNCL do NSNN nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị SNCL tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên	Giảm	Tăng		Giảm	Tăng	Giảm		Tăng
21	UBND xã Lê Lợi	223	223			28		28			251	251			
22	UBND xã Mường Mô	177	177			17		17			194	194			
23	UBND xã Hua Bum	143	143			17		17			160	160			
24	UBND xã Pa Tần	235	235			21		21			256	256			
25	UBND xã Sìn Hồ	288	288			28		28			316	316			
26	UBND xã Tủa Sín Chải	321	321			22		22			343	343			
27	UBND xã Hồng Thu	268	268			22		22			290	290			
28	UBND xã Nậm Tăm	226	226			21		21			247	247			
29	UBND xã Pu Sam Cáp	233	233			21		21			254	254			
30	UBND xã Nậm Mạ	120	120			15		15			135	135			
31	UBND xã Nậm Cuối	195	195			16		16			211	211			
32	UBND xã Bum Tở	276	276			21		21			297	297			
33	UBND xã Bum Nưa	178	178			15		15			193	193			

Handwritten signature

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc đã giao tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh			Số lượng người điều chỉnh						Tổng số lượng người làm việc sau điều chỉnh giảm, tăng			Ghi chú
		Tổng số	Hưởng lương từ NSNN		Tổng số	Hưởng lương từ NSNN				Tổng số	Hưởng lương từ NSNN			
			Đơn vị SNCL do NSNN nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị SNCL tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên		Đơn vị SNCL do NSNN nhà nước bảo đảm chi thường xuyên		Đơn vị SNCL tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên			Đơn vị SNCL do NSNN nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị SNCL tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên		
						Giảm	Tăng	Giảm	Tăng				Giảm	
34	UBND xã Mường Tè	158	158			17		17			175	175		
35	UBND xã Thu Lũm	141	141			15		15			156	156		
36	UBND xã Pa Ủ	180	180			15		15			195	195		
37	UBND xã Tà Tổng	201	201			15		15			216	216		
38	UBND xã Mù Cả	84	84			15		15			99	99		

Thư

PHỤ LỤC II
ĐIỀU CHỈNH SỐ LƯỢNG HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG ĐÃ GIAO NĂM 2026 CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG
(Kèm theo Nghị quyết số: 02/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc đã giao tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh			Số hợp đồng lao động điều chỉnh						Tổng số hợp đồng lao động điều chỉnh	
		Tổng số	Hưởng lương từ NSNN		Đơn vị sự nghiệp công lập	Hưởng lương từ NSNN				Tổng số	Hưởng lương từ NSNN	
			Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên		Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên				
						Giảm	Tăng	Giảm	Tăng			Giảm
	CẤP XÃ	820	820			38		38			858	858
1	UBND phường Đoàn Kết	63	63			1		1			64	64
2	UBND phường Tân Phong	66	66			1		1			67	67
3	UBND xã Than Uyên	41	41			1		1			42	42
4	UBND xã Mường Than	17	17			1		1			18	18
5	UBND xã Mường Kim	26	26			1		1			27	27
6	UBND xã Khoen On	17	17			1		1			18	18

John

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc đã giao tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh			Số hợp đồng lao động điều chỉnh						Tổng số hợp đồng lao động sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng số	Hưởng lương từ NSNN		Đơn vị sự nghiệp công lập	Hưởng lương từ NSNN				Tổng số	Hưởng lương từ NSNN			
			Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà	Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên	Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà	Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm 1					
7	UBND xã Tân Uyên	44	44			1		1			45	45		
8	UBND xã Mường Khoa	18	18			1		1			19	19		
9	UBND xã Pắc Ta	16	16			1		1			17	17		
10	UBND xã Nậm Sỏ	17	17			1		1			18	18		
11	UBND xã Bình Lư	30	30			1		1			31	31		
12	UBND xã Tả Lèng	25	25			1		1			26	26		
13	UBND xã Bản Bo	14	14			1		1			15	15		
14	UBND xã Khun Há	15	15			1		1			16	16		
15	UBND xã Phong Thổ	25	25			1		1			26	26		
16	UBND xã Khổng Lào	18	18			1		1			19	19		
17	UBND xã Sin Suối Hồ	19	19			1		1			20	20		

Jhm2

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc đã giao tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh			Số hợp đồng lao động điều chỉnh						Tổng số hợp đồng lao động sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng số	Hưởng lương từ NSNN		Đơn vị sự nghiệp công lập	Hưởng lương từ NSNN				Tổng số	Hưởng lương từ NSNN			
			Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà	Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên	Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà	Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm 1					
18	UBND xã Đào San	13	13			1		1			14	14		
19	UBND xã Sì Lờ Lầu	13	13			1		1			14	14		
20	UBND xã Nậm Hàng	19	19			1		1			20	20		
21	UBND xã Lê Lợi	16	16			1		1			17	17		
22	UBND xã Mường Mô	14	14			1		1			15	15		
23	UBND xã Hua Bum	10	10			1		1			11	11		
24	UBND xã Pa Tần	15	15			1		1			16	16		
25	UBND xã Sìn Hồ	30	30			1		1			31	31		
26	UBND xã Tủa Sín Chải	23	23			1		1			24	24		
27	UBND xã Hồng Thu	20	20			1		1			21	21		
28	UBND xã Nậm Tăm	20	20			1		1			21	21		

Handwritten signature

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng người làm việc đã giao tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh			Số hợp đồng lao động điều chỉnh						Tổng số hợp đồng lao động sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng số	Hưởng lương từ NSNN		Đơn vị sự nghiệp công lập	Hưởng lương từ NSNN				Tổng số	Hưởng lương từ NSNN			
			Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà	Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm 1 phần chi thường xuyên	Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà	Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm 1					
29	UBND xã Pu Sam Cáp	16	16			1		1			17	17		
30	UBND xã Nậm Mạ	11	11			1		1			12	12		
31	UBND xã Nậm Cuối	13	13			1		1			14	14		
32	UBND xã Bum Tở	30	30			1		1			31	31		
33	UBND xã Bum Nưa	16	16			1		1			17	17		
34	UBND xã Mường Tè	16	16			1		1			17	17		
35	UBND xã Thu Lũm	19	19			1		1			20	20		
36	UBND xã Pa Ủ	18	18			1		1			19	19		
37	UBND xã Tà Tổng	10	10			1		1			11	11		
38	UBND xã Mù Cả	7	7			1		1			8	8		

Thư